

Bản án số: 02/2024/HC-PT

Ngày: 14/8/2024.

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực giải
quyết đơn kiến nghị phản ánh của công dân”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang.

Các thẩm phán: Ông Lê Quý My

Ông Nguyễn Văn Quế

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 01/2024/HCPT ngày 03/6/2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực giải quyết đơn kiến nghị phản ánh của công dân” do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HCST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo của người khởi kiện, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/QĐPT-HC ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Minh N, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân phường T

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T

Địa chỉ: Số 52, đường BT, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thế S, chức vụ: Chủ tịch UBND phường T

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Hoàng Phương, chức vụ: Phó Chủ tịch

UBND phường T. (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trịnh Quang P, sinh năm 1953. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Bà Dương Thị Y, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

3. Anh Trịnh Quang H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Y, anh Trịnh Quang H: Ông Trịnh Quang P, sinh năm 1953. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện trình bày: Gia đình bà Nguyễn Minh N sử dụng thửa đất số 29, tờ bản đồ 36, địa chỉ: Tổ 07, phường T, thành phố TN, liền kề với thửa đất số 30, tờ bản đồ 36 (của gia đình ông Trịnh Quang P). Khoảng tháng 4 năm 2022 gia đình ông Trịnh Quang P tiến hành xây dựng nhà trên thửa đất số 30, tờ bản đồ 36 đã có hành vi lấn đất và vi phạm trật tự xây dựng (*cụ thể là: Xây nhà vượt diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng; lấn sang phần móng, khoảng không trên tầng 2, tầng 3 nhà bà Nguyễn Minh N; lấn sang mương thoát nước, hành lang lưới điện của nhà bà N và các hộ dân khác*), trong ngày 05/8/2022 và ngày 18/11/2022 bà N có đơn đề nghị gửi đến Chủ tịch UBND phường T – Yêu cầu Chủ tịch UBND phường T xuống kiểm tra và xử lý việc xây dựng sai phép của hộ ông Trịnh Quang P theo đúng quy định của pháp luật; Ngoài ra tại các buổi làm việc, tiếp công dân bà N còn yêu cầu Chủ tịch UBND phường T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, khắc phục triệt để các vi phạm của công trình xây dựng sai phép, rút giấy phép xây dựng đối với hộ ông Trịnh Quang P, chấn chỉnh thái độ làm việc của cán bộ, công chức phường T trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Quá trình giải quyết vụ việc, ngày 05/01/2023 UBND phường T ban hành Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 V/v: “*Trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N – Tổ DP số 7, phường T, TP TN*”. Nội dung văn bản trả lời bà N biết về kết quả kiểm tra, xử lý công trình xây dựng sai phép hộ ông Trịnh Quang P; không đồng ý cung cấp hồ sơ, giấy tờ tài liệu liên quan đến việc kiểm tra, xử lý, giải quyết vụ việc theo yêu cầu của bà Nguyễn Minh N.

Không đồng ý với quy trình, kết quả xử lý, giải quyết vụ việc trên của Chủ tịch UBND phường T và Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 của UBND phường T; Ngày 21/8/2023 bà N đã có đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 25/8/2023 và ngày 31/8/2023 đến Tòa án nhân dân thành phố TN - Yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

1. Tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường T, thành phố TN trong giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của bà Nguyễn Minh N là

trái pháp luật;

2. Buộc Chủ tịch UBND phường T, thành phố TN phải chấm dứt hành vi trái pháp luật trong khi thi hành công vụ và giải quyết lại vụ việc theo đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của bà Nguyễn Minh N theo đúng quy định của pháp luật;

3. Tuyên hủy Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 của UBND phường T, thành phố TN, về việc trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N – Tổ dân phố số 7, phường T, thành phố TN;

4. Buộc Chủ tịch UBND phường T, UBND phường T, thành phố TN phải khôi phục quyền lợi và bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần cho bà Nguyễn Minh N với số tiền là 10.800.000đ (tương ứng với số tiền bằng 06 tháng lương cơ sở) do quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật gây ra.

5. Kiến nghị đến cơ quan, người có thẩm quyền xử lý trách nhiệm của cơ quan, người có quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật.

Lý do bà Nguyễn Minh N yêu cầu Tòa án tuyên hủy Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 của UBND phường T, thành phố TN, vì: Nội dung văn bản trả lời không đúng với yêu cầu trong đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N, phần tầng 4 công trình hộ ông P chưa tháo dỡ, NH văn bản trả lời lại xác định là đã khắc phục xong, xác định ông P xây dựng theo đúng giấy phép là không đúng, làm mất đơn đề nghị ngày 18/11/2022 của bà Nguyễn Minh N và không cung cấp tài liệu, hồ sơ giải quyết vụ việc theo yêu cầu của bà Nguyễn Minh N là trái quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà N còn yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường T trong việc giải quyết đơn của bà N là trái pháp luật, vì: Trong quá trình giải quyết vụ việc Chủ tịch UBND phường T và cán bộ, công chức của UBND phường T đã có hành vi bao che, giúp sức cho việc xây dựng công trình trái phép, quá trình kiểm tra thì bỏ lọt vi phạm và thực hiện không đúng quy trình, xử lý vi phạm khi giải quyết vụ việc theo đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của bà.

Người bị kiện trình bày:

Ngày 05/8/2022 và ngày 18/11/2022 UBND phường T nhận được đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N. Nội dung đơn bà N phản ánh việc hộ ông Trịnh Quang P xây dựng nhà trên thửa đất số 30, tờ bản đồ 36, địa chỉ: Tổ 07, phường T, thành phố TN (giáp với thửa đất nhà bà N) đã có hành vi lấn chiếm sang phần đất công, lấn sang phần móng và khoảng không tầng 2, tầng 3 nhà bà N, lấn sang phần mương nước, hành lang lưới điện của các hộ xung quanh và xây dựng sai so với giấy phép xây dựng. Bà Nguyễn Minh N yêu cầu Chủ tịch UBND phường T xuống kiểm tra và xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với việc xây dựng nhà sai phép của hộ ông Trịnh Quang P.

Sau khi nhận được đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N: Ngày 16/9/2022 UBND phường T đã chỉ đạo Bộ phận chuyên môn Địa chính – Xây dựng phối hợp với Đội quản lý trật tự xây dựng và giao thông Thành phố TN và tổ dân phố 7, phường T xuống kiểm tra công trình xây dựng của hộ ông Trịnh Quang P tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 36, phường T, kết quả kiểm tra xác định:

- Phần đất công phía sau công trình nhà ông P xây dựng P bao và phân lát nền xi măng với kích thước giáp với đất nhà bà Hoài 0,4m, bà N 1,1m, ngang 5,2m.
- Tại tầng 2, 3 đã làm mái vẩy đưa ra khoảng không thuộc đường giao thông không đúng với giấy phép xây dựng.
- Tại P xây tầng 3 có lấn vào đất của bà Nguyễn Minh N khoảng 2cm.
- Tại vị trí P xây trên tầng 3, xây cao hơn cấp phép, theo giấy phép xây dựng 03 tầng.
- Phần móng nhà, theo ý kiến của bà N về việc ông P đã xây lấn chiếm 20cm sang đất bà N. Tại thời điểm kiểm tra đoàn kiểm tra không có căn cứ xác định đo phần móng là phần âm.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra công trình vi phạm nêu trên: Ngày 20/9/2022 UBND phường T đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với hộ ông Trịnh Quang P, về hành vi “Dựng rạp, lều bạt, cổng ra vào, P rào các loại, công trình khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ cụ thể xây dựng mái vẩy ra lộ giới đường giao thông kích thước 5m x 0,9m – quy định tại điểm a khoản 5 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt”. Chủ tịch UBND phường T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 104/QĐ-XPVPHC ngày 20/9/2022; Hình thức xử phạt: Xử phạt tiền đối với ông Trịnh Quang P số tiền 2.500.000đ; Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; đồng thời ban hành Thông báo số 34a/TB-UBND ngày 20/9/2022 yêu cầu hộ ông Trịnh Quang P phải tháo dỡ ngay các công trình vi phạm gồm: Phần diện tích đuôi nhà lấn sang đất lưu không, giáp nhà bà Nguyễn Minh N 1,1m, cạnh giáp đất nhà bà Hoài 0,4m, chiều ngang 5,2m; Tại tầng 3 ông Trịnh Quang P xây đua sang đất của bà Nguyễn Minh N khoảng 2cm, đồng thời xây P bao 02 bên chưa được cấp phép; Xây dựng P rào, công trình khác trong phạm vi đất dành cho đường bộ, cụ thể xây P, làm mái vẩy kích thước 5m x 0,9m. Thời gian thực hiện xong trước ngày 16/10/2022.

Đến ngày 17/10/2022, UBND phường T tiến hành kiểm tra việc khắc phục công trình vi phạm của hộ ông Trịnh Quang P thì xác định các vi phạm được xác định trong Biên bản kiểm tra ngày 16/9/2022 và Thông báo số 34a/TB-UBND ngày 20/9/2022 đã được hộ ông Trịnh Quang P đã khắc phục xong.

Tại buổi làm việc ngày 20/12/2022, bà Nguyễn Minh N đề nghị Chủ tịch UBND phường T trả lời bằng văn bản về kết quả kiểm tra, xử lý công trình xây dựng sai phép của hộ ông Trịnh Quang P theo đơn đề nghị ngày 05/8/2022 và đơn đề nghị lần 2 ngày 11/8/2022 của bà Nguyễn Minh N, đồng thời đề nghị UBND phường cung cấp cho bà N một số hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc kiểm tra, xử lý vi phạm công trình xây dựng nhà ông Trịnh Quang P; Chấn chỉnh thái độ làm việc của cán bộ, công chức trong khi thực hiện nhiệm vụ công vụ và đề nghị ông Trịnh Quang P phải thực hiện việc cam kết xử lý công trình xây dựng lấn chiếm sang phần móng nhà bà N (nếu có). Do vậy, ngày 05/01/2023 UBND phường T đã ban hành văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N, trong đó UBND phường T thông báo cho

bà Nguyễn Minh N biết về kết quả kiểm tra, xử lý công trình vi phạm sau khi nhận được đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N, không đồng ý cung cấp hồ sơ giải quyết vụ việc theo yêu cầu của bà Nguyễn Minh N.

Như vậy, sau khi tiếp nhận được đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N về việc phản ánh hộ ông Trịnh Quang P đã có hành vi vi phạm pháp luật khi tiến hành xây dựng nhà ở riêng lẻ trên thửa đất số 30, tờ bản đồ số 36, thuộc tổ 7, phường T, Chủ tịch UBND phường T chỉ đạo, phân công cho cán bộ chuyên môn tiến hành kiểm tra, lập biên Bản vi phạm hành chính, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thông báo buộc tháo dỡ công trình vi phạm là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023, về việc trả lời đơn kiến nghị phản ánh của bà Nguyễn Minh N: UBND phường T xác định là văn bản trả lời đơn đề nghị, kiến nghị, không phải là văn bản giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo. Kể từ khi tiếp nhận đơn kiến nghị của bà Nguyễn Minh N UBND phường T đã tiếp nhận, xử lý và thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục. Yêu cầu của bà N về việc yêu cầu UBND phường T phải cung cấp hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông Trịnh Quang P là không có căn cứ.

Do vậy, việc bà Nguyễn Minh N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố TN tuyên hủy Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 của UBND phường T và Tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường T trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân là trái pháp luật, từ đó buộc UBND phường T, Chủ tịch UBND phường T phải khôi phục lại quyền lợi và bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Minh N tương ứng với số tiền bằng 06 tháng lương cơ sở là không có căn cứ, đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (ông Trịnh Quang P, bà Dương Thị Y và ông Trịnh Quang H) trình bày: Do có nhu cầu làm nhà ở trên thửa đất số 30, tờ bản đồ 36, địa chỉ: Tổ 07, phường T, thành phố TN, ông Trịnh Quang P và bà Dương Thị Y được UBND thành phố TN cấp giấy phép xây dựng số 682/GPXD ngày 21/3/2024, trong đó: cấp phép cho gia đình ông được xây dựng nhà ở riêng lẻ, 03 tầng, tổng diện tích xây dựng là 219m², chiều cao công trình là 14,25m. Đến tháng 4 năm 2022 thì gia đình ông tiến hành khởi công xây dựng nhà ở trên thửa đất trên. Khi công trình nhà ở của ông P thi công đến phần xây thô tầng 3 thì bà Nguyễn Minh N có đơn đề nghị đến Chủ tịch UBND phường T vì cho rằng gia đình ông xây dựng nhà lấn sang đất của bà Nguyễn Minh N và các hộ xung quanh, xây dựng nhà vượt diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng, bà N yêu cầu Chủ tịch UBND phường T xuống kiểm tra và xử lý theo quy định. Quá trình kiểm tra, giải quyết vụ việc theo đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N Chủ tịch UBND phường T đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời ban hành thông báo yêu cầu gia đình ông phải tháo dỡ, khắc phục các vi phạm, đến nay phần công trình vi phạm sai so với giấy phép xây dựng gia đình đã khắc phục xong; gia đình ông P không thắc mắc gì đối với việc xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND phường T và chịu trách nhiệm trước các cơ quan nhà nước về các sai phạm liên quan đến công trình xây dựng của mình. Đối với phần móng nhà, bà N cho rằng gia đình ông lấn sang đất

bà N khoảng 02cm thì khi nào nhà bà N xây nhà thì gia đình ông sẽ yêu cầu thợ cắt bỏ (nếu có lần chiếm).

Về việc bà Nguyễn Minh N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố TN tuyên hủy Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 của UBND phường T; Tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường T trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của bà N là trái pháp luật, thì đề nghị Tòa án nhân dân thành phố TN giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HCST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN đã quyết định:

Căn cứ: Điều 3, Điều 30, Điều 31, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 191, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ: Điều 2 của Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 2 của Luật Tố cáo năm 2018; Các Điều 2, 5, 7, 25, 26, 27 và Điều 28 của Luật Tiếp công dân năm 2013; Các Điều 6, 38 và Điều 66 của Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 203 và Điều 208 của Luật đất đai năm 2013; Các Điều 5, 16 và Điều 72 của Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính Phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng; Điều 5, 6 và Điều 20 Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị phản ánh; Khoản 1, 6, 7 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Minh N về việc yêu cầu Tòa án: Tuyên hủy Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 của UBND phường T V/v: “*Trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N – Tổ DP số 7, phường T, TP TN*”; Tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường T trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính đối với công trình xây dựng của ông Trịnh Quang P theo đơn kiến nghị của bà Nguyễn Minh N là trái pháp luật, từ đó buộc Chủ tịch UBND phường T, UBND phường T phải bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật gây ra với số tiền là 10.800.000đ; Kiến nghị đến cơ quan, người có thẩm quyền xem xét trách nhiệm đối với người có quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Minh N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm (nH được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000482, ngày 05/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN).

- Buộc bà Nguyễn Minh N phải nộp 540.000đ (*Năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại không được Tòa án chấp nhận đề nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/5/2024, người khởi kiện kháng cáo yêu cầu xét xử lại vụ án theo hướng công tâm, khách quan, áp dụng đúng quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng đưa ra khỏi hồ sơ vụ án, làm mất chứng cứ 03 tài liệu là **chứng cứ điện tử 42 tờ và bản tóm tắt nội dung chính của cuộc họp tiếp công dân ngày 18/11/2022; Bản phô tô biên bản làm việc với công dân ngày 04/3/2024 của Thanh tra thành phố TN với công dân Nguyễn Minh N.** Bản án sơ thẩm căn cứ vào Điều 191 Luật tố tụng hành chính, khi nghị án không đúng pháp luật. Chủ tịch UBND phường bao che cho hộ ông P, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 và thông báo số 34a/TB-UBND ngày 20/9/2022 là không đúng pháp luật. Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 do ông Đào Hoàng Phương là phó chủ tịch UBND phường T ký sai cả nội dung và hình thức. Báo cáo của UBND phường T là trái pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, kiểm sát viên phát biểu về việc trả lại đơn khởi kiện và chịu án phí bà không nghe rõ. Nhận định của bản án sơ thẩm phi logic. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết khách quan, công tâm và đúng pháp luật theo yêu cầu đã khởi kiện.

Người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND phường T, thành phố TN trình bày: Chủ tịch UBND phường T đã giải quyết đơn của bà N đến nay là đúng pháp luật. Quá trình giải quyết và ban hành văn bản có sự sai sót là do soạn thảo, đã được rút kinh nghiệm và kiểm điểm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Minh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của HĐXX, người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện gửi đến Tòa án trong hạn luật định, kháng cáo là hợp lệ.

- Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định. Việc chấp hành tố tụng của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 241 Luật tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Minh N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Minh N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Minh N làm trong hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, kháng cáo hợp lệ, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Về đối tượng khởi kiện. Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên xác định về đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính của UBND T và hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường T, thành phố TN trong việc giải quyết đơn đề nghị ngày 05/8/2022 và đơn đề nghị ngày 18/11/2022 của bà Nguyễn Minh N cùng địa giới hành chính với Tòa án nhân dân thành phố TN. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân thành phố TN giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện. Ngày 05/8/2022 bà Nguyễn Minh N có đơn gửi đến Chủ tịch Phường T đề nghị “Chủ tịch UBND phường T cùng các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra những sai phạm về xây dựng lấn chiếm công trình xây dựng nhà ở trên thửa đất số 30, tờ bản đồ 36 phường T và giải quyết theo luật định” và ngày 18/11/2022 đề nghị “Chủ tịch UBND phường T lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát trong việc thực hiện Luật đất đai và Luật xây dựng, cũng như thực hiện các quy định về trật tự đô thị của công trình xây dựng nhà ở trên thửa đất số 30, tờ bản đồ 36 thuộc tổ 7 phường T, thành phố TN. Đồng thời đề nghị UBND phường T có biện pháp xử lý kịp thời, xử lý kiên quyết và triệt để những sai phạm của công trình theo đúng quy định của pháp luật. UBND phường T ban hành văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 V/v trả lời đơn của bà Nguyễn Minh N. Ngày 21/8/2023 bà Nguyễn Minh N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố TN là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết. Người bị kiện là UBND phường T và Chủ tịch UBND phường T, thành phố TN. Nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

[1.4]. Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính là đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện. Người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về hành vi hành chính: Đơn ngày 05/8/2022 bà Nguyễn Minh N gửi Chủ tịch UBND phường T có nội dung phản ánh có vi phạm trật tự xây dựng nhà ở tại

thửa đất số 30, tờ bản đồ 26, phường T. Chủ tịch UBND phường T đã tiếp nhận đơn và đã chỉ đạo Bộ phận chuyên môn Địa chính – Xây dựng phối hợp với Đội quản lý trật tự xây dựng và giao thông Thành phố TN và tổ dân phố 7, phường T xuống kiểm tra công trình xây dựng của hộ ông Trịnh Quang P tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 36, phường T vào ngày 16/9/2022, có lập biên bản, yêu cầu chủ công trình thực hiện việc tháo dỡ những hạng mục vi phạm.

Ngày 20/9/2022 cán bộ địa chính – xây dựng lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt có sự chứng kiến của tổ trưởng tổ dân phố đối với hộ ông Trịnh Quang P về hành vi “*Dựng rạp, lều bạt, cổng ra vào, P rào các loại, công trình khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ cụ thể xây dựng mái vẩy ra lộ giới đường giao thông kích thước 5m x 0,9m*”. Chủ tịch UBND phường T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 104/QĐ-XPVPHC ngày 20/9/2022; Hình thức xử phạt: *Xử phạt tiền đối với ông Trịnh Quang P số tiền 2.500.000đ; Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra*; đồng thời ban hành Thông báo số 34a/TB-UBND ngày 20/9/2022 yêu cầu hộ ông Trịnh Quang P phải tháo dỡ ngay các công trình vi phạm gồm: *Phần diện tích đuôi nhà lấn sang đất lưu không, giáp nhà bà Nguyễn Minh N 1,1m, cạnh giáp đất nhà bà Hoài 0,4m, chiều ngang 5,2m; Tại tầng 3 ông Trịnh Quang P xây đua sang đất của bà Nguyễn Minh N khoảng 2cm, đồng thời xây P bao 02 bên chưa được cấp phép; Xây dựng P rào, công trình khác trong phạm vi đất dành cho đường bộ, cụ thể xây P, làm mái vẩy kích thước 5m x 0,9m*. Thời gian thực hiện xong trước ngày 16/10/2022. Ngày 17/10/2022, UBND phường T tiến hành kiểm tra việc khắc phục công trình vi phạm của hộ ông Trịnh Quang P thì xác định các vi phạm được xác định trong Biên bản kiểm tra ngày 16/9/2022 và Thông báo số 34a/TB-UBND ngày 20/9/2022 đã được hộ ông Trịnh Quang P đã khắc phục xong.

Ngày 18/11/2022 bà Nguyễn Minh N tiếp tục có đơn đề nghị Chủ tịch UBND phường T có biện pháp xử lý kịp thời, xử lý kiên quyết và triệt để. Tại buổi làm việc ngày 20/12/2022, bà Nguyễn Minh N đề nghị Chủ tịch UBND phường T trả lời bằng văn bản về kết quả kiểm tra, xử lý công trình xây dựng sai phép của hộ ông Trịnh Quang P theo đơn đề nghị ngày 05/8/2022 và đơn đề nghị lần 2 ngày 11/8/2022 của bà Nguyễn Minh N, đồng thời đề nghị UBND phường cung cấp cho bà N một số hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc kiểm tra, xử lý vi phạm công trình xây dựng nhà ông Trịnh Quang P; Chấn chỉnh thái độ làm việc của cán bộ, công chức trong khi thực hiện nhiệm vụ công vụ và đề nghị ông Trịnh Quang P phải thực hiện việc cam kết xử lý công trình xây dựng lấn chiếm sang phần móng nhà bà N (nếu có). Do vậy, UBND phường T đã ban hành văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N, trong đó UBND phường T thông báo cho bà Nguyễn Minh N biết về kết quả kiểm tra, xử lý công trình vi phạm sau khi nhận được đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N, không đồng ý cung cấp hồ sơ giải quyết vụ việc theo yêu cầu của bà Nguyễn Minh N.

Kể từ ngày Chủ tịch UBND phường T, thành phố TN nhận được đơn ngày 05/8/2022 của bà Nguyễn Minh N, cho đến ngày Phó chủ tịch UBND phường T ký văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Minh N.

Chủ tịch UBND phường Trương Vương chưa thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ trong việc quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn hành chính theo quy định của Luật tiếp công dân; Luật tố cáo; Luật đất đai năm 2013; Luật xây dựng năm 2014; luật sửa đổi bổ sung một số Điều Luật Xây dựng năm 2020; Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để giải quyết.

Tuy nhiên, ngày 20/9/2023 Chủ tịch UBND Phường T đã lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai và xây dựng đối với hộ ông Trịnh Quang P và ban hành Văn bản số 250/UBND-ĐC ngày 22/9/2023 chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của hộ ông Trịnh Quang P đến Chủ tịch UBND thành phố TN để xem xét, xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét về trình tự ban hành và nội dung Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 V/v: “*Trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N – Tổ DP số 7, phường T, TP TN*”.

Đơn đề nghị 05/8/2022 của bà Nguyễn Minh N gửi đến chủ tịch UBND phường Trương Vương, thành phố TN, thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai và trật tự xây dựng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND phường T, thành phố TN. Phó Chủ tịch UBND phường Trương Vương ký Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 V/v: “*Trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N – Tổ DP số 7, phường T, TP TN*” lại được thể hiện dưới hình thức là UBND phường T, không phải là Chủ tịch UBND phường T, là có sự nhầm lẫn, sai sót về thẩm quyền.

Xét nội dung của Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 của UBND phường T về việc Trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Minh N, đã phản ánh trách nhiệm, việc đã thực hiện của người có thẩm quyền là chủ tịch UBND phường Trương Vương kể từ khi tiếp nhận và giải quyết đơn. Nội dung của Văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 của UBND phường T, thành phố TN không mang tính mệnh lệnh, áp đặt, bắt buộc, không có đối tượng bị quản lý phải phục tùng, chấp hành.

Với những nhận định như trên, cùng với đánh giá của Tòa án cấp sơ thẩm. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Minh N đối với UBND phường T và Chủ tịch UBND phường T về việc yêu cầu huỷ văn bản số 05/UBND-ĐC ngày 05/01/2023 của UBND phường T và tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường T trong giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của bà Nguyễn Minh N là trái pháp luật; Buộc Chủ tịch UBND phường T, thành phố TN phải chấm dứt hành vi trái pháp luật trong khi thi hành công vụ và giải quyết lại vụ việc theo đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của bà Nguyễn Minh N theo đúng quy định của pháp luật là không cần thiết. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Trường hợp bà N yêu cầu UBND phường T cho tiếp cận thông tin liên quan đến việc kiểm tra, xử lý công trình vi phạm đối với các tài liệu có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì thực hiện theo Điều 4, 5, 6, 7, 8, 10 và Điều 29 của Luật tiếp cận thông tin. UBND phường T có trách nhiệm cung cấp thông tin về việc giải quyết đơn của công dân theo đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại:

Tại cấp sơ thẩm bà Nguyễn Minh N yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND phường T, UBND phường T phải bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật gây ra với số tiền là 10.800.000đ (tương ứng bằng 06 tháng lương cơ sở). Bản án sơ thẩm nhận định, trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ được pháp luật quy định còn một số tồn tại và hạn chế, nH không gây thiệt hại về vật chất, tinh thần theo quy định của pháp luật. Do vậy, Bản án của cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Minh N là đúng pháp luật.

[2.4]. Về những vấn đề khác có liên quan:

Liên quan đến vụ án này bà Nguyễn Minh N còn cho rằng một số cán bộ, đảng viên, công chức của UBND phường T có hành vi vi phạm tư cách, đạo đức của đảng viên, đạo đức cán bộ công chức, thiếu chuẩn mực trong khi thi hành công vụ. Nội dung này bà N đã có đơn kiến nghị đến Thành ủy TN để kiểm tra, xem xét giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 14/7/2023 Chủ tịch UBND phường T đã chủ trì hội nghị kiểm điểm kết quả thực hiện giải quyết đơn thư của bà Nguyễn Minh N. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với một số các vi phạm, sai sót của một số cán bộ công chức UBND Phường T trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công vụ, thiếu sự kiểm tra, giám sát và xử lý chưa kịp, thời triệt để đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực, địa bàn phụ trách đã được Chủ tịch UBND thành phố TN chỉ ra tại bản Báo cáo số 790/BC-UBND ngày 15/11/2023 và đã kiến nghị biện pháp xử lý. Trước đó, Chủ tịch UBND phường T đã có Thông báo số 05/TB-UBND ngày 15/01/2023 Về việc tăng cường công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng, mỹ quan đô thị trên địa bàn. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc xử lý công trình xây dựng sai phép của hộ ông Trịnh Quang P: Sau khi phát hiện ra các vi phạm và thiếu sót, ngày 20/9/2023 UBND Phường T đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai và xây dựng đối với hộ ông Trịnh Quang P và ban hành Văn bản số 250/UBND-ĐC ngày 22/9/2023 chuyển hồ sơ vi phạm đến Chủ tịch UBND thành phố TN để xem xét, xử lý theo thẩm quyền. Đây là thẩm quyền riêng của Chủ tịch UBND thành phố TN. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với nội dung bà Nguyễn Minh N cho rằng hộ ông Trịnh Quang P xây dựng nhà đã lấn sang phần móng và khoảng không tầng 2, tầng 3 nhà bà N, gây thiệt hại về phần mái và đường ống nước trong quá trình thi công, xây dựng ... Bà Nguyễn Minh N có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu, theo quy định của pháp luật về dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Một số nội dung được bà Nguyễn Minh N phản ánh tại phiên toà phúc thẩm đã được cấp sơ thẩm giải quyết và được xem xét tại phiên toà phúc thẩm. Riêng đối với ý kiến về việc Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng đã bỏ ra ngoài hồ sơ, làm mất chứng cứ điện tử 42 tờ và bản tóm tắt nội dung chính của cuộc họp tiếp công dân ngày 18/11/2022; Bản phô tô biên bản làm việc với công dân ngày 04/3/2024 của Thanh tra thành phố TN với công dân Nguyễn Minh N dẫn đến việc nghị án không đúng pháp

luật, không công tâm, thay đổi bản chất của vụ án. Tại phiên toà phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã kiểm tra và bà Nguyễn Minh N đã được xem trực tiếp các tài liệu đã nêu ở trên có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: 42 tờ giấy A4 có nội dung tin nhắn của bà Nguyễn Minh N (Bút lục 75 đến 116); Bản tóm tắt nội dung chính cuộc họp tiếp công dân ngày 18/11/2022 của bà N (Bút lục 15 đến 16); Bản phô tô biên bản làm việc với công dân ngày 04/3/2024 của Thanh tra thành phố TN với công dân Nguyễn Minh N (Bút lục 415). Bà Nguyễn Minh N khẳng định 42 tờ giấy A4 có trong hồ sơ vụ án chứa nội dung tin nhắn của bà với Chủ tịch UBND phường T qua điện thoại cá nhân và được bà N in ra giấy A4, không phải là dữ liệu điện tử được thu thập theo quy định của pháp luật. Như vậy, không có việc Toà án cấp sơ thẩm làm mất tài liệu do bà Nguyễn Minh N đã giao nộp. Quá trình giải quyết vụ án các tài liệu nói trên đã được xem xét đánh giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những nhận định trên. Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Minh N.

Quan điểm của vị Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp. Cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Minh N không được chấp nhận, bà Nguyễn Minh N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính. Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Minh N. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 25/4/2024 của Toà án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Minh N phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Nguyễn Minh N đã nộp tại Biên lai thu số 0002796 ngày 09/5/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP TN.
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP TN;
- Đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án và Tòa án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Văn Giang

